

Số: **534**/SGDDĐT-GDTrH
V/v: thông báo cấu trúc đề kiểm tra
học kì 2 cấp THPT và thi Olympic
lớp 10, lớp 11 năm học 2012-2013

Bình Phước, ngày **11** tháng **4** năm 2013

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường THPT, PT cấp 2-3.

Thực hiện Nhiệm vụ năm học 2012-2013, căn cứ biên bản thống nhất của Hội đồng bộ môn cấp tỉnh bậc Trung học họp ngày 02/4/2013. Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo đến các đơn vị cấu trúc đề kiểm tra học kì 2 các môn: Toán, Văn, Anh lớp 10, 11, 12; Hóa, Sinh, Địa lớp 12 năm học 2012-2013 và cấu trúc thi Olympic lớp 10, lớp 11 của một số môn như sau:

I. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ

1. CẤU TRÚC ĐỀ MÔN TOÁN

Lớp 10

A. Phần chung dành cho tất cả thí sinh: (7,0 điểm)

Câu I (3,0 điểm):

1. Giải bất phương trình bậc nhất, hệ bất phương trình bậc nhất.
2. Giải phương trình, bất phương trình chứa căn,

Câu II (3,0 điểm): Cho phương trình bậc hai.

1. Giải phương trình.
2. Tính giá trị biểu thức đối xứng giữa các nghiệm.
2. Xác định giá trị của tham số để phương trình có các nghiệm thoả điều kiện cho trước.

Câu III (1,0 điểm): Giải tam giác hoặc xác định các yếu tố của của elip.

B. Phần riêng (3 điểm): Thí sinh học ban nào thì làm bài theo chương trình ban học.

1. Theo chương trình Chuẩn:

Câu IV.a (2,0 điểm): Xác định điểm, lập phương trình đường thẳng, đường tròn, tính góc giữa hai đường thẳng, khoảng cách.

Câu V.a (1 điểm): Tính các giá trị lượng giác của một góc khi biết điều kiện cho trước.

2. Theo chương trình nâng cao:

Câu IV.b (2,0 điểm): Xác định điểm, lập phương trình đường thẳng, đường tròn, tính góc giữa hai đường thẳng, khoảng cách.

Câu V.b (1,0 điểm): Công thức lượng giác.

Lớp 11

A. Phần chung dành cho tất cả thí sinh: (7,0 điểm)

Câu I (3,0 điểm): Tính các giới hạn và xét tính liên tục của hàm số.

Câu II (1,0 điểm): Tính đạo hàm của hàm số.

Câu III (3,0 điểm): Cho hình chóp hoặc lăng trụ đặc biệt

1. Chứng minh tính vuông góc.

2. Xác định, tính góc.
3. Xác định, tính khoảng cách

B. Phần tự chọn (3,0 điểm):

Thí sinh học chỉ được làm một trong hai phần (phần 1 hoặc 2)

1. Theo chương trình Chuẩn:

Câu IV.a (3,0 điểm): Cho hàm số $y = f(x)$.

1. Tính đạo hàm của hàm số, chứng minh đẳng thức, giải phương trình, bất phương trình liên quan đến đạo hàm.
2. Viết phương trình tiếp tuyến với đồ thị hàm số $y = f(x)$

2. Theo chương trình nâng cao:

Câu IV.a (3,0 điểm): Cho hàm số $y = f(x)$.

1. Tính đạo hàm của hàm số, chứng minh đẳng thức, giải phương trình, bất phương trình liên quan đến đạo hàm.
2. Xác định giá trị của tham số thỏa điều kiện cho trước (Liên quan đến phương trình bậc hai, dấu của tam thức bậc hai).
3. Viết phương trình tiếp tuyến với đồ thị hàm số $y = f(x)$

Lớp 12

A. Phần chung dành cho tất cả thí sinh: (7,0 điểm)

Câu I (3,0 điểm): Tìm nguyên hàm, tính tích phân (đổi biến, từng phần).

Câu II (1,0 điểm): Ứng dụng của tích phân: tính diện tích hình phẳng hoặc thể tích khối tròn xoay.

Câu III (2,0 điểm): Phương pháp tọa độ trong không gian: tọa độ của điểm, véc tơ; tính diện tích, thể tích; phương trình mặt cầu.

Câu IV (1,0 điểm): Số phức: môđun, các phép toán số phức, phần thực, phần ảo.

B. Phần tự chọn (3,0 điểm):

Thí sinh học chỉ được làm một trong hai phần (phần 1 hoặc 2)

1. Theo chương trình Chuẩn:

Câu IV.a (2,0 điểm): Phương pháp tọa độ trong không gian:

- Viết phương trình mặt phẳng, đường thẳng.
- Tính khoảng cách.

Câu V.a (1,0 điểm): Giải phương trình trên tập số phức

2. Theo chương trình nâng cao:

Câu IV.b (2,0 điểm): Phương pháp tọa độ trong không gian:

- Viết phương trình mặt phẳng, đường thẳng.
- Tính góc; khoảng cách.

Câu V.b (1,0 điểm): Giải phương trình trên tập số phức; dạng lượng giác của số phức.

2. CẤU TRÚC ĐỀ MÔN NGỮ VĂN

Lớp	Nội dung	Số câu	Số điểm
10	Tiếng việt	1	2,0
	Tái hiện kiến thức (bỏ văn học nước ngoài)	1	1,0
	Nghị luận văn học (HS chọn một trong hai câu-cơ bản, nâng cao)	1	7,0
Cộng		3	10,0
11	Tiếng việt	1	1,0

	Tái hiện kiến thức (văn học Việt Nam và văn học nước ngoài)	1	2,0
	Nghị luận văn học (HS chọn một trong hai câu-cơ bản, nâng cao)	1	7,0
Cộng		3	10,0
12	Tái hiện kiến thức (văn học Việt Nam và văn học nước ngoài)	1	2,0
	Nghị luận xã hội	1	3,0
	Nghị luận văn học (HS chọn một trong hai câu-cơ bản, nâng cao)	1	5,0
Cộng		3	10,0

3. MA TRẬN ĐỀ MÔN TIẾNG ANH

LỚP 10

Kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ	Chủ đề Nội dung cụ thể	Mức độ			Tổng	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Số câu	Điểm
		Số câu	Số câu	Số câu		
1. Phonetics	/s/ - /z/ - /ʃ/ - /ʒ/ - /θ/ - /ð/	1	1		4	1,0
	- Stress	1		1		
2. Verb forms	- Tenses	2	2	1	6	1,5
	- Gerund / to - infinitive	1				
3. Vocabulary	- Adjectives	1			8	2,0
	- Nouns	1				
	- Adverbs	1				
	- Prepositions		1			
	- Article		1			
	- Speaking		1			
	- Lexical meaning	1		1		
4. Writing	<i>Sentence transformation</i>			1	4	2,0
	- Conditional sentences (II, III)		1			
	- Comparisons	1				
	- Passive voice		1			
5. Reading	- Cloze test	2	1	1	4	1,0
	- Answer the questions	2	2	1	5	2,5
Câu		14	11	6	31	10,0
Tỷ lệ		45,0%	35,5%	19,5%	100%	100%

LỚP 11

Kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ	Số câu hỏi	Nội dung	Mức độ			Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			TL	TL	TL	TL

			Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm	Số câu	Điểm
Pronunciation	4	Consonants: /s/ - /ed/	1	0.25	1	0.25	1	0.25	4	1
		Vowels	1	0.25						
Vocabulary	6	Vocabulary from the readings from Unit 8 - unit 16	2	0.5	3	0.75	1	0.25	6	1.5
Grammar and structures	4	Prepositions	2	0.5	1	0.25	1	0.25	4	1
	2	Tenses	1	0.25			1	0.25	2	0.5
	4	Relative Clauses	2	0.5	1	0.25	1	0.25	4	1
	4	Social communication	2	0.5	1	0.25	1	0.25	4	1
	4	Answer the questions	2	1	1	0.5	1	0.5	4	2
Writing	4	Sentence combination	2	1		0			2	1
		Rewrite sentences	1	0.5		0.5	1		2	1
Tổng	32		16	5.25	8	2.75	8	2	32	10

LỚP 12

STT	Lĩnh vực	ND chi tiết		Số câu		Mức độ				
				TN (50)	KT (40)	Nhận biết	Hiểu	Vận dụng		
1	PHONETICS	"ed"		5	4	x				
2		consonant				x				
3	STRESS							x		
4						x				
5	VACABULARY AND GRAMMAR	N	structure	20	16	x				
6			meaning					x		
7			synonym					x		
8		V	tense							x
9			form					x		
10			agreement					x		
11			modal					x		

12		A	structure				X			
13			meaning				X			
14		Re-pro					X			
15		Abbr							X	
16		Phrase					X			
17								X		
18		Pre					X			
19							X			
20		Conj/connector						X		
21		SPEAKING	Ask - Answer			5	3 (-1)	X		
22	Answer - Ask				X					
23							X			
24	READING	Cloze test		5	4	X				
25								X		
26								X		
27		Comprehension		5	4	X				
28								X		
29								X		
30							X			
31								X		
32	WRITING	Error definition	tense	5	5 (+1)	X				
33			article			X				
34			form (passive)			X				
35			pre					X		
36		S-V agreement						X		
37		Combine/ Rewrite	Re-clause		5	4		X		
38			if				X			
39			comparison				X			
40	clause of time		X							
				50	40	22	12	6		

4. CẤU TRÚC ĐỀ MÔN SINH HỌC

Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng	
	Chung	Riêng	Chung	Riêng	Chung	Riêng	Chung	Riêng
Bằng chứng tiến hóa	4	1	3		2		9	1
Cơ chế tiến hóa		1		1				2
Sự phát sinh sự sống	1		1		1		3	
Môi trường và sinh học cá thể	1	1	1				2	1
Quần thể sinh vật	2	1	2				4	1
Quần xã sinh vật	1	1	2		1		4	1
Hệ sinh thái	1		1				2	

Cộng	10	5	10	1	4	0	24	6
-------------	----	---	----	---	---	---	----	---

5. MA TRẬN ĐỀ MÔN HÓA HỌC

Tên chủ đề	Mức độ nhận thức				Cộng
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng ở mức cao hơn	
Chủ đề 1	Kim loại kiềm và hợp chất kim loại kiềm				
Số câu	1	1	1		3
Điểm	0.33	0.33	0.33		1 10.00%
Chủ đề 2	Kim loại kiềm thổ & hợp chất kim loại kiềm thổ				
Số câu	1	1	1	1	4
Điểm	0.33	0.33	0.33	0.33	
Chủ đề 3	Nhôm và hợp chất của nhôm				
Số câu	2	1	1	1	5
Điểm	0.67	0.33	0.33	0.33	
Chủ đề 4	Sắt và hợp chất của sắt				
Số câu	2	1	1	1	5
Điểm	0.67	0.33	0.33	0.33	
Chủ đề 5	Crom và hợp chất của crom				
Số câu	1	1	1		3
Điểm	0.33	0.33	0.33		
Chủ đề 6	Nhận biết một số hợp chất vô cơ				
Số câu			1		
Điểm			0.33		
Chủ đề 7	Hóa học và vấn đề phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.				
Số câu	1				
Điểm	0.33				
Chủ đề 8	Tổng hợp kim loại & hợp chất kim loại				
Số câu	2	2	2	2	8
Điểm	0.67	0.57	0.67	0.67	
Tổng câu	11	7	7	5	30
Tổng điểm	3.63 36.3%	2.33 23.3%	2.33 23.3%	1.66 16.67%	10 điểm 100%

6. CẤU TRÚC ĐỀ MÔN ĐỊA LÍ

Đề kiểm tra gồm 3 câu, làm trong 45 phút, thang điểm 10, với cấu trúc như sau:

Câu 1 (4 điểm)

a) Địa lý dân cư (2 điểm);

b) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và Địa lý các ngành kinh tế (2 điểm).

Câu 2: Địa lý các vùng kinh tế (3 điểm).

Câu 3 (Phần tự chọn): Địa lý các ngành kinh tế (3 điểm).

Lưu ý:

- Kỹ năng vẽ biểu đồ, nhận xét, giải thích bảng số liệu và kỹ năng đọc, phân tích Atlas Địa lý Việt Nam sẽ được lồng ghép trong các câu hỏi trên.

- Quy định về các mức độ nhận thức trong đề: Phần biết khoảng 40-50%, phần hiểu, vận dụng khoảng 50-60%.

II. CẤU TRÚC THI OLYMPIC LỚP 10, LỚP 11

1. MÔN TOÁN

Khối 10

Câu 1. Giải phương trình, bất phương trình, hệ phương trình (03 ý)

Câu 2. Chứng minh bất đẳng thức.

Câu 3. Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng (đường thẳng, đường tròn, conic) (02 ý)

Câu 4. Lượng giác.

Khối 11

Câu 1. Giải phương trình, bất phương trình, hệ phương trình.

Câu 2. Chứng minh bất đẳng thức.

Câu 3. Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng (đường thẳng, đường tròn, conic).

Câu 4. Phương trình lượng giác.

Câu 5. Hình học không gian.

Câu 6. Đại số tổ hợp.

Câu 7. Giới hạn.

2. MÔN NGỮ VĂN

Lớp 10:

PHẦN VĂN: Văn học Việt Nam - Chương trình Ngữ văn 10 Nâng cao.

2.1. Văn học dân gian:

Các thể loại:

- Truyền thuyết.
- Truyện cổ tích.
- Truyện thơ.
- Ca dao.
- Tục ngữ.

2.2. Văn học trung đại:

*** Các thể loại:**

- Thơ.
- Cáo.
- Sứ kí.
- Truyện.
- Ngâm khúc.
- Truyện thơ Nôm.

*** Chú trọng các tác giả sau đây:**

- Phạm Ngũ Lão.
- Đặng Dung.
- Nguyễn Trãi.
- Nguyễn Bình Khiêm.

- Đặng Trần Côn.
- Nguyễn Gia Thiều.
- Nguyễn Du.

PHẦN LÀM VĂN:

2.3. Nghị luận xã hội: Các chủ đề tình bạn, gia đình, nhà trường, xã hội.

2.4. Nghị luận văn học: Văn học dân gian, văn học trung đại.

THỜI GIAN LÀM BÀI – CẤU TRÚC ĐỀ:

- Thời gian làm bài: 180 phút.
- Đề thi gồm 2 câu:
 - Nghị luận xã hội (8 điểm).
 - Nghị luận văn học (12 điểm).
- * Tổng điểm toàn bài: 20 điểm.

Lớp 11:

PHẦN VĂN: Văn học Việt Nam - Chương trình Ngữ văn 11 Nâng cao.

1.1. Văn học trung đại:

- Thể loại:

- + Thơ (lục bát, song thất lục bát, hát nói, Đường luật, hành ...).
- + Văn xuôi tự sự.
- + Văn tế.
- + Chiếu.

- Tác giả và tác phẩm:

Bao gồm các tác giả và tác phẩm được chọn giảng dạy trong chương trình ngữ văn 11 nâng cao. Đặc biệt lưu ý các tác giả sau:

- + Nguyễn Đình Chiểu.
- + Hồ Xuân Hương.
- + Nguyễn Khuyến.
- + Tú Xương.

2.2. Văn học hiện đại:

- Thể loại:

- + Thơ.
- + Truyện.
- + Văn nghị luận, chính luận.

- Tác giả và tác phẩm:

Bao gồm các tác giả và tác phẩm được chọn giảng dạy trong chương trình Ngữ văn 11 nâng cao. Đặc biệt lưu ý các tác giả sau:

- + Tản Đà.
- + Xuân Diệu.
- + Nguyễn Bình.
- + Nam Cao.
- + Nguyễn Tuân.

PHẦN LÀM VĂN:

- **Nghị luận xã hội:** Các chủ đề tình bạn, gia đình, nhà trường, xã hội.
- **Nghị luận văn học:** Văn học trung đại, văn học hiện đại.

THỜI GIAN LÀM BÀI – CẤU TRÚC ĐỀ:

- Thời gian làm bài: 180 phút.
- Đề thi gồm 2 câu:
 - Nghị luận xã hội (8 điểm).
 - Nghị luận văn học (12 điểm).
 - Tổng điểm toàn bài: 20 điểm.

3. MÔN HÓA HỌC

Khối 10:

Chương 1: CẤU TẠO NGUYÊN TỬ

- Thành phần cấu tạo nguyên tử
- Hạt nhân nguyên tử
- Vỏ nguyên tử
- Orbitan nguyên tử. Năng lượng electron. Cấu hình electron nguyên tử và ion. Ý nghĩa 4 số lượng tử. Đặc điểm lớp electron ngoài cùng

Chương 2: BẢNG TUẦN HOÀN VÀ ĐỊNH LUẬT TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

- Cấu tạo bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (Số thứ tự, chu kì, nhóm nguyên tố, khối nguyên tố) liên hệ với cấu hình electron nguyên tử.
- Định luật tuần hoàn. Sự biến thiên cấu hình electron nguyên tử, một số đại lượng vật lí, tính chất các nguyên tố, thành phần và tính chất của các hợp chất.

Chương 3: LIÊN KẾT HÓA HỌC

- Đại cương về liên kết hóa học (liên kết cộng hóa trị, ion, kim loại).
- Mạng lưới tinh thể ion, phân tử, nguyên tử, kim loại. Cách xác định số đơn vị cấu trúc trong một ô mạng cơ bản, độ đặc khí.

Chương 4 : PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ

- Số oxi hóa: định nghĩa, quy tắc xác định số oxi hóa của nguyên tố, ý nghĩa.
- Phản ứng oxi hóa khử: khái niệm, phân loại, một số phương pháp cân bằng và bảo túc các dạng phản ứng oxi hóa khử quan trọng.

Chương 5 : LÝ THUYẾT VỀ PHẢN ỨNG HÓA HỌC

- Khái niệm nhiệt trong hóa học: nhiệt phản ứng, nhiệt tạo thành, nhiệt đốt, nhiệt hòa tan, năng lượng liên kết, năng lượng mạng lưới, chu trình Born - Haber Định luật Hess và các hệ quả. Tính hiệu ứng nhiệt của phản ứng.
 - Chiều và giới hạn tự diễn biến của các quá trình.
 - Các khái niệm: biến thiên entanpi ΔH , biến thiên entropi ΔS và biến thiên thế đẳng áp ΔG . Mối liên hệ giữa các đại lượng trên.
 - Tốc độ phản ứng hóa học: khái niệm, các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học. Động học phản ứng bậc nhất và bậc hai. Phương trình Arrhenius. Động học và cơ chế phản ứng
 - Cân bằng hóa học: Phản ứng thuận nghịch. Cân bằng hóa học. Hằng số cân bằng. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng. Sự chuyển dời cân bằng. Năng lượng tự do ΔG và cân bằng hóa học

Chương 6: NHÓM HALOGEN

- Khái quát về nhóm Halogen.
- Clo – Axit clohidric – Muối clorua – Một số hợp chất chứa oxi của clo.
- Flo – Brom – Iot

Chương 7: NHÓM OXI – LƯU HUỖNH

- Khái quát về nhóm VI_A
- Oxi, ozon, nước, hidropeoxit.
- Lưu huỳnh, hidro sunfua, các oxit của lưu huỳnh, axit sunfuric, muối sunfat.

Khối 11:

Chương 1: SỰ ĐIỆN LI VÀ PHẢN ỨNG TRAO ĐỔI ION

- Khái niệm về dung dịch. Sự hòa tan. Độ tan.
- Sự điện li. Chất điện li. Độ điện li. Hằng số điện li. Định luật bảo toàn nồng độ.
- Axit – bazơ – muối: định nghĩa, phân loại, danh pháp, tính chất chung, tính axit – bazơ của các ion. Phản ứng trao đổi ion.
- Tích số ion của nước, ý nghĩa. Dung dịch axit – bazơ. pH và chất chỉ thị axit – bazơ.
- Cân bằng trong dung dịch các hệ: axit – bazơ, dị thể, tạo phức và các hệ phức tạp.

Chương 2 : NHÓM V_A

1. Nitơ
2. Amoniac và muối amoni
3. Các oxit của nitơ
4. Axit nitric và muối nitrat
5. Photpho – axit photphoric và muối photphat
6. Phân bón hoá học

Chương 3: NHÓM IV_A

1. Cacbon và các hợp chất của cacbon
2. Silic và các hợp chất của silic
3. Công nghệ silicat (gốm – thủy tinh – xi măng)

Chương 4: ĐẠI CƯƠNG VỀ HỢP CHẤT HỮU CƠ

1. Hoá học hữu cơ và hợp chất hữu cơ – Phân loại hợp chất hữu cơ
2. Công thức phân tử hợp chất hữu cơ
Phân tích nguyên tố - Xác định khối lượng phân tử - Các phương pháp thiết lập xác định công thức phân tử hợp chất hữu cơ
3. Cấu tạo hợp chất hữu cơ
Thuyết cấu tạo hoá học – Đồng đẳng – Đồng phân – Đại cương về hoá học lập thể
4. Hiệu ứng electron – sự tương tác qua lại giữa các nguyên tử trong phân tử. Ảnh hưởng của hiệu ứng electron lên một số tính chất vật lý, hoá học.
5. Đại cương về phản ứng hữu cơ và cơ chế phản ứng (thế, cộng, tách).

Chương 5: HIDROCACBON NO

1. Mở đầu về hidrocarbon no
2. Ankan

Cấu tạo - Tính chất vật lý, tính chất hoá học: Phản ứng thế (cơ chế S_R , quan hệ giữa tỉ lệ phần trăm sản phẩm và khả năng phản ứng tương đối), đề hidro hoá, cracking, cháy - Ứng dụng - Điều chế

3. Xicloankan

Cấu tạo - Tính chất vật lý và hoá học: phản ứng cộng mở vòng, phản ứng thế, phản ứng cháy.

Chương 6: HIDROCACBON CHỨA NO

1. Anken

Cấu tạo - Tính chất vật lý và hoá học: Phản ứng cộng (cơ chế A_E), phản ứng trùng hợp, phản ứng oxi hoá, phân tích cấu trúc - Ứng dụng và điều chế

2. Ankadien - Cao su

Cấu tạo - Tính chất vật lý và hoá học: Phản ứng cộng (cơ chế A_E ; phản ứng Diels - Alder), phản ứng trùng hợp - Ứng dụng và điều chế

3. Tecpen

4. Ankin

Cấu tạo - Tính chất vật lý và hoá học: phản ứng cộng, phản ứng trùng hợp, phản ứng thế nguyên tử H, phản ứng oxi hoá - Ứng dụng và điều chế

Chương 7: HIDROCACBON THƠM

1. Benzen và đồng đẳng

Cấu tạo (hệ thơm - quy tắc Huckel) - Tính chất vật lý và hoá học: phản ứng thế (cơ chế S_EAr), phản ứng cộng, phản ứng oxi hoá - Ứng dụng và điều chế

2. Một số hydrocarbon thơm khác (sitren và naphtalen).

Chương 8: DẪN XUẤT HALOGEN VÀ HỢP CHẤT CƠ KIM

1. Dẫn xuất halogen

2. Hợp chất cơ - kim

Chương 9: ANCOL - PHENOL - ETE

1. Ancol

Cấu tạo - Tính chất vật lý và hoá học: Phản ứng thế (cơ chế S_N), phản ứng tách (cơ chế E_1 ; E_2), phản ứng oxi hoá - Phân tích cấu trúc - Ứng dụng và điều chế.

2. Phenol: Cấu tạo - Tính chất vật lý và hoá học - Ứng dụng và điều chế.

3. Ete: Cấu tạo - Tính chất vật lý và hoá học - Ứng dụng và điều chế.

Chương 10: HỢP CHẤT CACBONYL

1. Andehit - Xeton

Cấu tạo - Tính chất vật lý và hoá học: Phản ứng cộng (cơ chế A_N), phản ứng oxi hoá khử - Phân tích cấu trúc.

2. Axit cacboxylic

Cấu tạo - Tính chất vật lý và hoá học: Tính axit, phản ứng thế tạo dẫn xuất axit (S_N), phản ứng gốc hydrocarbon - Phân tích cấu trúc - Ứng dụng, điều chế.

3. Este

Cấu tạo - Tính chất vật lý và hoá học: phản ứng thủy phân trong môi trường axit và kiềm - Phân tích cấu trúc - Ứng dụng, điều chế.

4. MÔN LỊCH SỬ

- Đề thi gồm 05 câu. Tổng số điểm: 20 điểm.

+ Lịch sử Thế giới 02 câu.

+ Lịch sử Việt Nam 03 câu.

Lớp 10:

(Học theo chương trình SGK Lịch Sử 10 –nâng cao)

STT	PHẦN	NỘI DUNG <i>(Theo thứ tự bài trong sách giáo khoa lớp 10 – nâng cao)</i>
1	LỊCH SỬ THẾ GIỚI	Bài 8: Các quốc gia Ấn và văn hóa truyền thống Ấn.
		Bài 9: Sự phát triển lịch sử và văn hóa Ấn Độ.
		Bài 14: Xã hội phong kiến Tây Âu.
		Bài 16: Những cuộc phát kiến địa lí.
2	LỊCH SỬ VIỆT NAM	Bài 28: Xây dựng và phát triển nhà nước độc lập thống nhất (thế kỉ X – nửa đầu XIV).
		Bài 29: Mở rộng và phát triển kinh tế (thế kỉ X – XV).
		Bài 30: Kháng chiến chống ngoại xâm (thế kỉ X – XV).
		Bài 31: Xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc (thế kỉ X – XV).
		Bài 32: Việt Nam ở thế kỉ XV – thời Lê Sơ.
		Bài 37: Phong trào Tây Sơn.

Lớp 11:

(Học theo chương trình SGK Lịch Sử 11 –nâng cao)

STT	PHẦN	NỘI DUNG <i>(Theo thứ tự bài trong sách giáo khoa lớp 11 – n âng cao)</i>
1	Lịch Sử Thế Giới	<u>Bài 4</u> : Cuộc Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII <u>Bài 12</u> : Công xã Pari (1871) <u>Bài 23</u> : Cách Mạng Tháng 10 Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 – 1921). <u>Bài 31</u> : Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)
2	Lịch Sử Việt Nam	<u>Bài 35</u> : Trào lưu cải cách, duy tân ở Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX <u>Bài 36</u> : Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX. <u>Bài 37</u> : Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội và tư tưởng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX <u>Bài 38</u> : Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX

đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914)

Bài 40: Sự khởi đầu của một khuynh hướng cứu nước mới trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam

5. MÔN ĐỊA LÝ

LỚP 10:

A. Nội dung chương trình địa lý lớp 10 nâng cao

I. LÝ THUYẾT

Phần I: ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

1. Hệ quả các chuyển động của Trái Đất

- Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.
- Hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất.

2. Khí quyển

- Sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất.
- Sự phân bố khí áp, một số loại gió chính trên Trái Đất.
- Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa, sự phân bố mưa.

3. Thủy quyển

- Thủy quyển, tuần hoàn của nước trên Trái Đất.
- Một số nhân tố ảnh hưởng tới tốc độ dòng chảy và chế độ nước sông.

4. Thổ nhưỡng và sinh quyển

- Thổ nhưỡng quyển và các nhân tố hình thành thổ nhưỡng.
- Sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố sinh vật.

6. Một số quy luật của lớp vỏ địa lí

- Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí
- Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới.

Phần II: ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Địa lí dân cư.

2. Địa lí công nghiệp.

3. Địa lí ngành giao thông vận tải.

II. THỰC HÀNH

1. Các bài tập thực hành vận dụng hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.

2. Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích.

3. Đọc và khai thác các kiến thức từ bản đồ, lược đồ, sơ đồ, bảng số liệu,...liên quan đến các nội dung trên.

☛ Lưu ý: Được sử dụng *Tập bản đồ thế giới và các châu lục* trong khi thi.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI ĐỊA LÝ 10

1. Đề thi gồm 5 câu, mỗi câu 4 điểm.

- Lí thuyết: 4 câu, gồm 2 câu trong phần **Địa lí tự nhiên** và 2 câu phần **Địa lí kinh tế - xã hội**.

- Thực hành: 1 câu vẽ biểu đồ (một trong các dạng biểu đồ), kết hợp nhận xét, giải thích; phân tích bảng số liệu, bản đồ, lược đồ, sơ đồ.

2. Tổng số điểm toàn bài là 20 điểm, số điểm lẻ cho đến 0,25 điểm.

3. Thời gian làm bài 180 phút.

LỚP 11:

A. Nội dung chương trình Địa lí lớp 11 nâng cao

I. LÍ THUYẾT:

Phần I: KHÁI QUÁT NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

1. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước.

2. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, nền kinh tế tri thức.

3. Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.

4. Một số vấn đề mang tính toàn cầu.

Phần II: ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA

1. Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

2. Nhật Bản

3. Khu vực Đông Nam Á

4. Biển Đông (Liên hệ Việt Nam)

II. THỰC HÀNH:

1. Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích.

2. Đọc và khai thác các kiến thức từ bản đồ, lược đồ, sơ đồ, bảng số liệu,... liên quan đến các nội dung trên.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI ĐỊA LÍ 11

1. Đề thi gồm 5 câu, mỗi câu 4 điểm.

- Lí thuyết: 4 câu, gồm 2 câu trong phần **Khái quát nền kinh tế xã hội thế giới** và 2 câu phần **Địa lí khu vực và quốc gia**.

- Thực hành: 1 câu vẽ biểu đồ (một trong các dạng biểu đồ), kết hợp nhận xét, giải thích; phân tích bảng số liệu, bản đồ, lược đồ, sơ đồ.

2. Tổng số điểm toàn bài là 20 điểm, số điểm lẻ cho đến 0,25 điểm.

3. Thời gian làm bài 180 phút.

6. MÔN SINH HỌC

LỚP 10:

- Đề gồm 06 câu (20 điểm), thời gian làm bài 180 phút.

Câu 1: Các giới sinh vật (2đ)

Câu 2: Thành phần hóa học của tế bào (4đ)

Câu 3: Cấu trúc, chức năng của tế bào (4đ)

Câu 4: Trao đổi vật chất và năng lượng (4đ)

Câu 5: Vi sinh vật (2đ)

Câu 6: Bài tập tế bào, phân tử (4đ)

LỚP 11:

- Đề gồm 05 câu (20 điểm), thời gian làm bài 180 phút.

Câu 1: Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở thực vật. (4đ)

Câu 2: Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở động vật (4đ)

Câu 3: Cảm ứng, vận động (4đ)

Câu 4: Sinh trưởng, phát triển (động vật, thực vật) (4đ)

Câu 5: Bài tập Quy luật di truyền (4đ)

7. MÔN VẬT LÝ

- Đề gồm 05 câu (20 điểm), thời gian làm bài 180 phút.

Lớp 10:

1. Bài toán về con lắc lò xo.

2. Bài toán về con lắc đơn.

3. Bài toán về chuyển động tròn đều.

4. Bài toán về động lượng, định luật bảo toàn động lượng.

5. Bài toán về phương trình trạng thái khí lý tưởng và các nguyên lý nhiệt động lực học.

Lớp 11:

1. Bài toán đoạn mạch điện có biến là điện trở.

2. Bài toán về công của lực điện trường đều.

3. Bài toán về con lắc đơn trong điện trường.

4. Bài toán về hiện tượng cảm ứng điện từ.

5. Bài toán về hiện tượng khúc xạ, phản xạ toàn phần.

Nhận được Công văn, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện cần liên hệ trực tiếp với Sở (qua Phòng Giáo dục Trung học. ĐT: 0651.3879107) để được giải đáp./.

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu: VT, GDTrH;

-Website: www.binhphuoc.edu.vn.

